

Bản án số: 93/2026/HS-ST
Ngày: 18/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quang Hiên, bà Hoàng Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên.

- Đại diện VKSND khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị T - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2026/TLST-HS ngày 21/4/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2026/QĐXXST-HS ngày 04/5/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn N**; Tên gọi khác: Không có; sinh năm 1992; giới tính: Nam; HKTT: Thôn N, xã H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Lê Văn D (đã chết); Họ tên mẹ: Lê Thị Q, sinh năm 1966; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Chưa có; Tiền sự: Ngày 28/02/2023, Nam bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (chấp hành xong ngày 08/01/2025). N bị tạm giữ từ ngày 06/01/2026 đến ngày 09/01/2026 chuyển tạm giam. Nhân thân: Ngày 09/01/2025 bị Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) có Quyết định quản lý sau cai nghiện, thời hạn từ ngày 09/01/2025 đến ngày 09/01/2027. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh H. (Có mặt).

*** Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1985 (Vắng mặt).

- Anh Chu Văn T2, sinh năm: 1991 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 10 phút ngày 06/01/2026, Công an xã N phối hợp cùng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H bắt quả tang tại phòng trọ của anh Nguyễn Văn T1, sinh

năm 1985 tại thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên có đối tượng Lê Văn N, sinh năm 1992, nơi đăng ký HKTT tại thôn N, xã H, tỉnh Thanh Hóa (hiện đang ở nhờ cùng anh T1) đang cất giấu trái phép tại túi quần phía trước bên phải đang mặc: 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long bên trong có 01 gói giấy bạc kích thước (2x1,5)cm chứa chất màu trắng dạng bột, cục (được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1). N khai các chất trên là ma túy của N, mua về để sử dụng.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H khám xét khẩn cấp chỗ ở của N tại thôn T, xã N nhưng không phát hiện, thu giữ được đồ vật, tài liệu gì có liên quan.

Cùng ngày 06/01/2026, Cơ quan điều tra tiến hành thu mẫu nước tiểu của Lê Văn N gửi đi giám định. Tại Bản Kết luận giám định số 113/KL-KTHS ngày 12/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: Mẫu nước tiểu ghi của N tìm thấy chất ma túy Methamphetamine, H.

Tại Kết luận giám định số 58/KL-KTHS ngày 09/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: Chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong ghi ký hiệu M1 có tổng khối lượng là 0,303 gam là ma túy, loại Heroin. H1 lại mẫu vật sau giám định 0,283 gam Heroin, 01 mảnh giấy bạc và 01 vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định.

Ngày 01/3/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H xác minh tại Công an xã H, tỉnh Thanh Hóa, kết quả: Lê Văn L là người thuộc diện quản lý sau cai nghiện theo Quyết định số 01 ngày 09/01/2025 của UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 09/01/2025 đến ngày 09/01/2027 và thu thập hồ sơ quản lý sau cai nghiện đối với N.

Quá trình điều tra xác định: Lê Văn N là đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện tại xã H, tỉnh Thanh Hóa nhưng đã tự ý rời khỏi địa phương đến khu vực xã N, tỉnh Hưng Yên để tìm việc làm, do chưa có chỗ ở ổn định nên ở nhờ nhà bạn là anh Nguyễn Văn T1. Khoảng 16 giờ ngày 06/01/2026, do muốn sử dụng chất ma túy nên N đã đi bộ đến khu Công nghiệp P, địa chỉ ở thôn N, xã N tìm mua ma túy. N gặp 01 nam thanh niên khoảng 30 tuổi (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) hỏi mua 500.000 đồng ma túy và được người này đưa cho 01 gói giấy bạc bên trong có chứa chất màu trắng dạng bột, cục là ma túy Heroin để trong 01 vỏ bao thuốc lá Thăng L1. Khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày, N đi bộ đến khu đất trống ở địa phận khu công nghiệp P A ở thôn N, lấy 01 phần số ma túy mua được, cho vào 01 mảnh giấy bạc (xé bên trong vỏ bao thuốc lá) rồi dùng bật lửa hơi nóng cho ma túy bốc khói và hít qua đường mũi vào cơ thể. Sau khi sử dụng xong, N cất số ma túy còn lại vào vỏ bao thuốc lá Thăng L1 và giấu vào túi quần phía trước bên phải rồi đi về phòng trọ của anh T1. Đến 17 giờ 10 phút cùng ngày, khi N đang ở tại phòng trọ của anh T1 thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ xác định: Đối với 0,283 gam ma túy loại Heroin, 01 mảnh giấy bạc, 01 vỏ phong bì niêm phong gửi giám định trong niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định số 58/KL-KTHS; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, đều đang được quản lý tại Kho vật chứng Công an tỉnh H - khu vực M.

Quá trình điều tra, Lê Văn N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại cáo trạng số 22/CT-VKSKV4 ngày 21/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên đã truy tố bị cáo Lê Văn Nam về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo như nội dung bản Cáo trạng, đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 1 Điều 256a, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 06/01/2026.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 46; điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị HĐXX: Tịch thu cho tiêu hủy 0,283 gam ma túy loại Heroin, 01 mảnh giấy bạc, 01 vỏ phong bì niêm phong gửi giám định trong niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định số 58/KL-KTHS; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

- Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt những người này. Xét thấy người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã có lời khai trong hồ sơ vụ

án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập theo quy định của pháp luật. Do đó HĐXX đã đủ cơ sở kết luận: *Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 06/01/2026, tại bãi đất trống gần khu công nghiệp P thuộc thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên, Lê Văn N là đối tượng đang thuộc diện quản lý sau cai nghiện theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy thời gian từ ngày 09/01/2025 đến ngày 09/01/2027 đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đến 17 giờ 10 phút cùng ngày, tại thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên, Lê Văn N có hành vi cất giấu trái phép 0,303 gam ma túy loại Heroin để sử dụng thì bị bắt quả tang.*

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cất giữ ma túy và sử dụng ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên truy tố bị cáo về tội danh và điều luật theo bản cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, làm ảnh hưởng đến các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước. Hành vi của bị cáo còn huỷ hoại sức khỏe, kinh tế, hạnh phúc gia đình của chính bị cáo cũng như làm phát sinh các loại tội phạm khác.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 28/02/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (chấp hành xong ngày 08/01/2025), thuộc diện quản lý sau cai nghiện trong thời hạn 02 năm từ ngày 09/01/2025 đến ngày 09/01/2027.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt: Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã phân tích ở trên thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian bằng hình phạt tù để bị cáo tránh xa ma túy, cai nghiện được ma túy, được học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội, góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung. Theo đó sẽ quyết định hình phạt của bị cáo đối với từng tội và sẽ tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Đối với 0,283 gam ma túy loại Heroin, 01 mảnh giấy bạc, 01 vỏ phong bì niêm phong gửi giám định trong niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định số 58/KL-KTHS; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng. Đây là chất Nhà nước cấm lưu hành, là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[6]. Về án phí: Bị cáo Lê Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự

[7]. Các vấn đề khác:

Đối với nam thanh niên bán ma túy cho N, do không rõ tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn T1 đã cho N ở nhờ tại nhà trọ của mình nhưng không biết N cất giấu trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý đối với anh T1.

.Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 1 Điều 256a; Điều 38; Điểm a khoản 1 điều 46; điểm a, c khoản 1 điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 135, Điều 136; Khoản 1 điều 293; Điều 299; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

3. Mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn N 03 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 02 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 06/01/2026.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng đã qua sử dụng; 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật giám định số 58/KL-KTHS, bên trong có: 0,283 gam ma túy loại Heroin, 01 mảnh giấy bạc và 01 vỏ niêm phong gửi giám định

(Tình trạng, số lượng vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKSHYN-KV ngày 21/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Hưng Yên)

5. Về án phí: Bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên;
- CA tỉnh Hưng Yên;
- VKS khu vực 4 - Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thoa